

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM GIANG  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HS-ST

Ngày: 07/01/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Võ Trần Duy Hinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Ka Phu Bọt.

Ông: A Lăng Vượt.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà: Nguyễn Thị Nhân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:**

Ông: Tạ Ngôn Ngộ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Thông báo hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-TB ngày 27 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1/ Trần Ngọc M;** sinh ngày 30 tháng 4 năm 1992 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/11/2017 bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo đã nộp phạt ngày 13/11/2017. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 29/4/2021 thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đến ngày 10/6/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

**2/ Nguyễn Cu N;** sinh ngày 03 tháng 4 năm 1978 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn K (chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1940; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/5/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam

xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 03/7/2004. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 29/4/2021 thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đến ngày 10/6/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

**3/ Phan Xuân H;** sinh ngày 14 tháng 12 năm 1978 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): Chưa đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Xuân S (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1951; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến ngày 29/4/2021 thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, đến ngày 10/6/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

1/ Ông Ka Phu B, sinh năm 1986; trú tại Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2/ Bà Bờ Nướch N, sinh năm 1974; trú tại Tổ 1, thôn P2, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3/ Ông Cao Ngọc H, sinh năm 1989; trú tại Tổ 37, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4/ Ông Bùi Trọng Đ, sinh năm 1953; trú tại Tổ 5, thôn T2, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965; trú tại 21/6, Nguyễn LB, Phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972; trú tại Thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hòih T, sinh năm 1974; trú tại Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

2/ Ông Võ Hùng T, sinh năm 1989; trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4/ Ông Trịnh Văn R, sinh năm 1972; trú tại Thôn L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; trú tại Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1994; trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

7/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; trú tại Tổ 6, Khối phố 6, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

8/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; trú tại Số 138, Khối phố 5, phường H, TP. M, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

9/ Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1989; trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

10/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1987; trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

11/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1951; trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin vắng mặt.

12/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; trú tại Thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### **Lần thứ nhất:**

Vào khoảng tháng 10/2020, Nguyễn Cu N có mua gỗ từ người dân tại thôn Cà Lai, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam và gửi lại ở đó. Một thời gian sau N lên xem lại gỗ thì phát hiện số gỗ này đã bị mất, N đi tìm xung quanh thì phát hiện trong nhà ông Hôih T có 02 bộ (04 tấm) phản gỗ Dí; các tấm phản này là của ông Ka Phu B gửi nhà ông Hôih T. N gọi điện thoại cho Trần Ngọc M nói với M về việc mình bị mất gỗ và thấy có 02 (hai) bộ phản, đồng thời rủ M bữa nào lên lấy thì M đồng ý. Đến khuya vài ngày sau, M rủ H đi cùng với mình đi lên Nam Giang mua gỗ, rồi điều khiển xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu KIA, mang BKS 61C – 216.15, lên đến nhà N thì M hỏi: “Có xe bò không?”, N nói là không có xe bò, rồi N chở H đi mượn thì thấy trong hẻm gần nhà N có 01 (một) xe bò đang để ven đường, không rõ chủ sở hữu. H kéo xe bò này ra chỗ M dừng xe tải, rồi cả ba khiêng chiếc xe bò trên và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, chủng loại Sirius, BKS: 37 L1-350.81 của N bỏ lên thùng xe ô tô tải. M điều khiển xe ô tô tải chở theo N và H ngồi ghế phụ. Trên đường đi M có hỏi N là “Nhà ni có ai không mà cậu rủ lên đây”, N đáp lại “Nhà N gửi gỗ nên không có gì đâu”. Khi đến thôn Cà Lai, xã Cà Dy, huyện Nam Giang cách nhà định lấy gỗ khoảng 200 mét thì N nói M dừng xe lại và nói M ở lại xe, còn N và H xuống xe vào trong xem tình hình. N và H quan sát xung quanh khoảng 05 phút thì thấy không có ai ở nhà nên N, H trở ra nói với M là không có ai ở nhà, đồng thời N yêu cầu M và H cùng mình khiêng xe bò và xe mô tô xuống. Sau khi khiêng xong xe bò và xe máy xuống thì H giữ cần và kéo xe bò đi về phía ngôi nhà của anh Hôih T nơi có chứa 04 (bốn) tấm phản gỗ mà N đã phát hiện trước đó, M và N đi bộ theo. Đến nơi, M và N khiêng 01 (một) tấm

phản gỗ bỏ lên xe bò, H tiếp tục cầm cần kéo xe bò về vị trí xe tải đang dừng, N và M đẩy theo sau rồi cả ba cùng khiêng tấm phản này lên thùng xe ô tô tải. Để thuận tiện cho việc di chuyển các tấm phản còn lại N nói M điều khiển xe tải lại gần nhà có gỗ thì M điều khiển xe tải này xuống gần nhà anh T đồng thời quay đầu xe về hướng Đại Lộ. Sau đó, với phương thức, hành vi tương tự, các bị cáo N, M và H đã lần lượt vận chuyển hết 03 (ba) tấm phản gỗ còn lại ra xe ô tô tải. Sau khi khiêng hết 04 (bốn) tấm phản trên và chiếc xe bò bỏ lên thùng xe ô tô tải thì N điều khiển xe mô tô chạy trước để canh đường, M điều khiển xe ô tô tải chở H theo sau trở về nhà M. Tất cả số gỗ đã trộm được cất giấu ở quán sửa xe của nhà M và chiếc xe bò được đem trả lại vị trí cũ. Khoảng vài ngày sau, M, H và N chia nhau số gỗ trên, cụ thể: M lấy 01 (một) tấm phản có kích thước 16cm x 70cm x 207cm và 01 (một) tấm phản có kích thước 15cm x 71cm x 225m; N lấy 01 (một) tấm phản có kích thước 17cm x 81 cm x 246 cm; còn H lấy 01 (một) tấm phản có kích thước 17cm x 79cm x 259cm. Sau khi thống nhất chia tài sản trộm cắp được, M nhờ H và N chở 02 (hai) tấm phản được chia cho mình lên xưởng ông Trịnh Văn R để gia công, N đem 01 (một) tấm phản được chia cho mình về nhà dùng, còn H đem tấm phản còn lại về nhà mẹ vợ là bà Nguyễn Thị T để cất giấu. Khi cơ quan điều tra thu giữ thì toàn bộ số phản này vẫn còn nguyên vẹn, chưa được gia công.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản (viết tắt là ĐGTS) trong tổ tụng hình sự huyện Nam Giang thì tổng giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Cu N, Trần Ngọc M và Phan Xuân H trộm cắp được của ông Ka Phu B là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu) đồng.

#### **Lần thứ hai:**

Vào đêm ngày 03/11/2020, M rủ H lên xã TàBhing, huyện Nam Giang mua gỗ về bán kiếm lời. M điều khiển xe ô tô tải như vụ thứ nhất chở theo H đi đến đoạn cầu Khe Diêng thuộc thôn Thanh Mỹ 2, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang thì M biết được tin tối nay có Công an Kinh tế đi làm nên quay đầu xe về. Lúc này, H thấy phía bên lề đường gần lán trại công nhân thi công cầu Khe Diêng có để 01 (một) chiếc xe bò, xe bò này là của ông Nguyễn Văn P, H nói với M về việc này thì M hiểu ý của H là muốn lấy trộm chiếc xe bò này, M liền dừng xe lại, H xuống xe kéo xe bò ra rồi cả hai cùng khiêng bỏ lên thùng xe ô tô tải. Cùng lúc này cả hai phát hiện trước hiên nhà gần đó của ông Bùi Trọng Đ có để 01 (một) cặp lục bình và 01 (một) cái bàn gốc cây (Không xác định hình dạng, có kích thước 95cm x 76cm x 53cm). Cả hai cùng thống nhất mỗi người ôm một cái lục bình ra thùng xe bỏ vào thùng, rồi tiếp tục trở lại cùng khiêng cái bàn gốc cây trên ra xe. Thực hiện xong hành vi trộm cắp, M điều khiển xe chở H về nhà M, H lấy 01 (một) cái bàn gốc cây và 01 (một) cặp lục bình về dùng, còn chiếc xe bò để trước nhà M, một thời gian sau, M bán chiếc xe bò này cho ông Võ Hùng T với giá 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Số tiền này M chia cho H 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng và giữ lại 800.000 (Tám trăm nghìn) đồng tiêu xài hết. Số tài sản trộm cắp được, cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2021 của Hội đồng ĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Nam Giang thì tổng giá trị tài sản các bị cáo Trần Ngọc M và Phan Xuân H trộm cắp được trong lần này là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Trong đó, 01 (một) cặp lục bình và 01 (một) cái bàn gốc cây nêu trên của ông Bùi Trọng Đ có giá trị là 3.000.000 (Ba triệu) đồng; 01 (một) chiếc xe bò của ông Nguyễn Văn P có giá trị là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

### **Lần thứ ba:**

Khoảng 22 giờ 12/11/2020, Nguyễn Cu N gọi điện thoại rủ Trần Ngọc M đi Nam Giang mua gỗ. Sau đó, M gọi điện thoại rủ Phan Xuân H đi cùng. M điều khiển xe ô tô tải BKS: 61C – 216.15 chở theo H và N. Trước khi đi, cả ba cùng khiêng xe bò (xe bò này là xe bò M và H đã trộm cắp được trước đó, rồi bán cho ông Võ Hùng T, sau đó M mượn lại từ ông T để sử dụng việc gia đình) và xe mô tô BKS 37L1 – 35081 của N lên thùng xe tải. Lần này, các bị cáo đi hướng huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Đi đến đầu cầu Sông Bung 4, thuộc thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang thì M quay ngược đầu xe lại hướng về huyện Đại Lộc, đi một đoạn khoảng 30m thì cả ba phát hiện trước hiên nhà ông Cao Ngọc H có 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam, nhãn hiệu STAR 036 đã qua sử dụng được đặt trên 01 (một) cái bàn gỗ (Không có hình dạng cụ thể, có kích thước 11cm x 80cm x 125cm, có ba chân tiện tròn, chủng loại gỗ Dẻ). M dừng xe lại, cả 03 bị cáo cùng xuống xe và khiêng 01 (một) cái bàn cùng 01 (một) máy cưa lóc trên ra xe tải, rồi M điều khiển xe chở H, N cùng số tài sản đã trộm cắp được đi về hướng huyện Đại Lộc.

Đi được một đoạn cách Trạm quản lý, bảo vệ rừng Tà Lơ khoảng 400m đến 500m về hướng Đại Lộc, thì M dừng xe lại nghỉ ngơi. Khoảng hơn 30 phút sau M gọi H và N dậy, lúc này cả ba cùng khiêng xe mô tô của N xuống; N điều khiển xe mô tô này chở H đi thăm dò tình hình. Chạy xuống một đoạn N và H phát hiện nhà bà Bờ Nướch N, đối diện Trạm quản lý, bảo vệ rừng Tà Lơ đang bật sáng điện nhưng không có ai trông coi, phía trước nhà có để một số bộ bàn ghế gỗ. Khoảng 05 phút sau, N và H quay lại nơi M đỗ xe và nói với M biết về số tài sản và việc không có ai trông coi số tài sản này. Cả 03 bị cáo thống nhất sẽ lấy trộm số tài sản này, rồi cùng khiêng xe bò xuống. N điều khiển xe mô tô chở H giữ cản ngang xe bò, M ngồi cản dọc của xe bò. Xuống đến nơi cả ba cùng khiêng 01 (một) cái bàn dài bằng gỗ Dẻ có kích thước mặt bàn là 10cm x 66cm x 255cm (có 02 chân), 01 (một) cái ghế dài bằng gỗ Chuồn có kích thước mặt ghế là 8cm x 32cm x 255cm (có 02 chân đế) bỏ lên xe bò, rồi N điều khiển xe máy chở H ngồi sau giữ cản, M chạy bộ theo sau đẩy xe đến nơi đậu xe ô tô tải và bỏ lên thùng xe. Sau đó, cả ba quay lại một lần nữa, thực hiện hành vi trộm cắp như trước đó, cả ba bị cáo lấy tiếp 01 (một) cái ghế dài bằng gỗ Chuồn có kích thước mặt ghế là 8cm x 32cm x 255cm, 01 (một) cái bàn dài bằng gỗ Dẻ có kích thước mặt bàn khoảng 10cm x 60cm x 220cm, 01 (một) cái ghế dài bằng gỗ Muồng có kích thước mặt ghế khoảng 10cm x 25cm x 220cm và 01 (một) máy mài. Khi đã bỏ hết số tài sản trên lên thùng xe thì cả ba khiêng bỏ xe bò lên thùng xe. N điều khiển xe mô tô của mình đi trước để canh đường, M điều khiển xe ô tô chở H theo sau về nhà của M.

Đến nơi, H lấy 01 (một) máy mài để dùng cá nhân, số tài sản trộm cắp còn lại được cất giấu toàn bộ trong nhà M.

Vài ngày sau, cả ba bị cáo thống nhất là chở số bàn ghế gỗ trộm cắp được tại nhà bà N vào xưởng ông Nguyễn Văn H để hoàn thiện thành 01 (một) bộ bàn hoàn chỉnh, M trực tiếp chở số bàn ghế gỗ này đến xưởng của ông H. Khi chuẩn bị tiến hành gia công thì ông H phát hiện chân của cái bàn gỗ Dí có kích thước lớn hơn và chân của 02 (hai) cái ghế dài gỗ Chuồn đã bị hư hỏng, do đó, đã trao đổi lại với M. Sau khi thống nhất với M, ông Nguyễn Văn H cắt cái bàn dài gỗ Dí có kích thước nhỏ hơn rồi gia công thành 02 chân của cái bàn dài gỗ Dí có kích thước lớn hơn; cắt cái ghế dài bằng gỗ Muồng rồi gia công thành 04 chân ghế thay thế cái chân cũ đã hư của 02 ghế dài gỗ Chuồn nêu trên. Khi cơ quan điều tra thu giữ số bàn ghế gỗ này tại xưởng của ông Nguyễn Văn H thì kết cấu bàn ghế đã thay đổi so với thiết kế ban đầu. 01 (một) máy mài của bà Nhân và các tài sản trộm cắp tại nhà của ông Cao Ngọc H đã được cơ quan điều tra thu giữ nguyên vẹn.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 10/02/2021 của Hội đồng ĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Nam Giang thì tổng giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Cu N, Trần Ngọc M và Phan Xuân H trộm cắp được trong lần này là 8.000.000 (Tám triệu) đồng. Trong đó, các bị cáo trộm cắp tài sản của ông Cao Ngọc H gồm 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam, nhãn hiệu STAR 036 đã qua sử dụng và 01 (một) cái bàn gỗ có tổng giá trị là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; trộm cắp tài sản của bà Bờ Nướch N gồm các bộ bàn ghế gỗ và 01 (một) cái máy mài cầm tay Model 180 có tổng giá trị là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

#### **Lần thứ tư:**

Vào khoảng 20 giờ ngày 29/11/2020, đối tượng Nguyễn Hùng S (tên gọi khác: S Râu; Chưa rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại rủ Trần Ngọc M qua huyện Đông Giang để mua gỗ. Sau đó M rủ thêm Phan Xuân H đi cùng. M điều khiển xe ô tô BKS 61C – 216.15 chở H đến cây xăng Đại Hồng đón S và khiêng xe mô tô của S bỏ lên thùng xe tải. Khoảng 02 giờ ngày 30/11/2020, M điều khiển xe chạy đến cây xăng A Xờ của anh Nguyễn Anh T thì dừng xe để nghỉ ngơi. Lúc này, S xuống xe để đi vệ sinh xong đồng thời cầm điện thoại bật đèn flash lên và soi xung quanh thì phát hiện trong cây xăng này có ổ gỗ. S quay trở lại nói với M và H trong cây xăng có gỗ, thì M và H hiểu là S muốn lấy số gỗ này. M nói với S là để M xuống xe và ra đường canh gác, S đồng ý và đi vào trong cây xăng phá ổ khóa rồi cùng H đột nhập vào. S và H đột nhập vào cây xăng trộm 02 (hai) lục bình bằng gỗ và một số tấm ván bằng gỗ mang ra thùng xe ô tô. Khoảng 30 phút sau, M quay vào cùng S khiêng gỗ ra thùng xe còn H đứng ở đuôi xe phụ đỡ và đẩy gỗ vào thùng xe (khoảng 60 tấm ván bằng gỗ và 03 phách gỗ). S lấy 01 (một) máy bơm nước, 01 (một) máy mài đem ra thùng xe để. Khi đã lấy hết số tài sản, S điều khiển xe mô tô chạy trước để canh đường, còn M điều khiển xe ô tô chở H cùng số tài sản đã trộm cắp được về nhà M và để toàn bộ số tài sản trên trước hiên nhà. Trần Ngọc C (anh trai ruột của M) từ Đà Nẵng về thấy nhà quá chật chội nên đã chuyển toàn bộ số gỗ và 02 lục bình đã trộm cắp vào khu rừng Bạch đàn Bến sọt cầu Quan Âm (thuộc thôn Trường An, xã Đại Quang, huyện Đại Lộc). Đến ngày 03/12/2020 toàn bộ số

tài sản mà M, H, S đã trộm cắp đã được, gia đình Trần Ngọc M giao nộp cho Cơ quan Công an huyện Đông Giang.

Theo Kết luận định giá số 03/HĐĐGTSTTHS ngày 22/12/2020 của Hội đồng ĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Đông Giang thì tổng giá trị tài sản các bị cáo M, H và đối tượng Nguyễn Hùng S trộm cắp được trên địa bàn huyện Đông Giang là 12.854.175 (Mười hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, bảo quản và xử lý các vật chứng như sau:

- Cơ quan cảnh sát điều tra (viết tắt là CSĐT) Công an huyện Nam Giang đã thu giữ:

+ 04 (Bốn) tấm phản gỗ Dí, gồm: 01 (một) tấm phản có kích thước 16cm x 70cm x 207cm, có khối lượng 0,232m<sup>3</sup>; 01 (một) tấm phản có kích thước 15cm x 71cm x 225cm, có khối lượng 0,240 m<sup>3</sup>; 01 (một) tấm phản có kích thước 17cm x 81cm x 246cm, có khối lượng 0,339m<sup>3</sup>; 01 (một) tấm phản có kích thước 17cm x 79cm x 259cm. Đây là những tài sản mà các bị cáo Nguyễn Cu N, Trần Ngọc M và Phan Xuân H đã trộm cắp của ông Ka Phu B. Cơ quan CSĐT đã trả số tài sản này cho ông Ka Phu B theo quy định pháp luật;

+ 01 (Một) cái bàn gốc gỗ Đinh, hình dạng không xác định, kích thước 95cm x 76cm x 53cm, có khối lượng 0,025m<sup>3</sup>; 01 (một) cái lục bình bằng gỗ Hoàng linh, thân tròn, có kích thước 100cm x 19cm, có khối lượng 0,029m<sup>3</sup>, có đục chữ nổi (một mặt giống chữ Trung Quốc, một mặt giống chữ Việt Nam), có đế liền; 01 (một) cái lục bình bằng gỗ Linh xanh, thân tròn, kích thước 100cm x 19cm, có khối lượng 0,029m<sup>3</sup>, có đục chạm hoa văn hình rồng trên thân, có đế liền. Đây là tài sản của ông Bùi Trọng Đ do các bị cáo Trần Ngọc M và Phan Xuân H trộm cắp được vào đêm ngày 03/11/2020; Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Trọng Đ theo quy định pháp luật.

+ 01 (một) xe bò có cán cầm tay bằng thép, thân xe bằng gỗ, không có bùng, tình trạng đã qua sử dụng. Tài sản này là của ông Nguyễn Văn P đã bị Trần Ngọc M và Phan Xuân H trộm cắp vào đêm ngày 03/11/2020; Tài sản này đã được trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn P theo quy định.

+ 01 (Một) bàn gỗ, không rõ hình dạng, có 03 chân, có kích thước 125cm x 80cm x 11cm; 01 (một) máy cưa lóc màu vàng cam nhãn hiệu STAR036 đã qua sử dụng. Đây là tài sản mà các bị cáo trộm được của ông Cao Ngọc H vào đêm ngày 12/11/2020. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H số tài sản này theo quy định pháp luật.

+ 01 (Một) máy mài nhãn hiệu BG180, màu xanh lơ đã qua sử dụng; 01 (một) mặt bàn bằng gỗ Dí, có kích thước 10cm x 66cm x 255cm, có khối lượng 0,168m<sup>3</sup>; 02 (một) tấm gỗ (chân bàn), mỗi tấm có kích thước 58cm x 15cm x 59cm, chưa xác định chủng loại gỗ; 02 (hai) ghế dài bằng gỗ Chuồn, mỗi ghế có kích thước mặt ghế là 08cm x 32cm x 255cm, có tổng khối lượng là 0,130m<sup>3</sup> (có chân ghế được dính liền). Đây là tài sản mà các bị cáo Nguyễn Cu N, Trần Ngọc M và Phan Xuân H đã trộm cắp của bà Bờ Nướch N. Số tài sản này đã được cơ quan CSĐT trả lại cho bà N quản lý, sử dụng theo quy định;

+ 01 (Một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng kèm sim số 0359447157 của Nguyễn Cu N; 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng kèm sim số 0934777841 của Trần Ngọc M; 01 (một) xe tải màu trắng, biển kiểm soát 61C-216.15, nhãn hiệu KIA; 01 (một) giấy đăng ký xe tải biển kiểm soát 61C-216.15, 01 (một) hợp đồng mua bán xe biển kiểm soát 61C-216.15; 01 (một) giấy đăng kiểm xe 61C-216.15; 01 (một) bảo hiểm tự nguyện xe biển kiểm soát 61C-216.15; 01 (một) xe máy, nhãn hiệu Yamaha, BKS: 37L1-350.81, màu đen đã qua sử dụng. Các vật chứng này, hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự (viết tắt là THADS) huyện Nam Giang.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Giang đã thu giữ: 01 (Một) cái máy bơm nước, màu xanh hiệu KIKAWA, đã qua sử dụng; 01 (một) cái máy mài cầm tay bằng điện, không rõ nhãn hiệu; 02 (hai) cái lục bình bằng gỗ Gõ có đặc điểm, kích thước giống nhau, mỗi cái lục bình có kích thước: cao 120cm, miệng lục bình rộng 31cm, vị trí lớn nhất tại phần thân rộng 29cm; 63 (Sáu mươi ba) phách gỗ (trong đó có 03 phách gỗ Gõ, 60 phách gỗ Xoan đào). Những vật chứng này Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Giang đã trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Anh T theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSNG ngày 31 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N và Phan Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm a Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015). Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nam Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định lại hành vi phạm tội, động cơ, mục đích, tính chất, mức độ thiệt hại, phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết liên quan đến vụ án của các bị cáo M, N, H, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N và Phan Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng theo Điểm a Khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo; riêng bị cáo Trần Ngọc M đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đi tự thú được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo do các bị cáo phạm tội nhiều lần xử phạt bị cáo Trần Ngọc M từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Cu N từ 24 (hai bốn) tháng đến 26 (hai sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Phan Xuân H từ 26 (hai sáu) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là đã nhận lại được tài sản mình bị mất nên không có yêu cầu gì về dân sự đối với vụ việc trên nữa. Riêng đối với bà Bờ Nướch Nn, các bị cáo N, M và H đã tự nguyện bồi thương, khắc phục hậu quả với số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo thỏa thuận, bà N cũng có đơn bãi nại và không



yêu cầu gì thêm. Đối với ông Võ Hùng T, các bị cáo M, H đã bán chiếc xe bò cho ông T với số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, các bị cáo đã trả lại số tiền trên cho ông T và ông T không có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng của Nguyễn Cu N; 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng của Trần Ngọc M: đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 (một) sim điện thoại số 0359447157 của Nguyễn Cu N và 01 sim số 0934777841 của Trần Ngọc M: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với xe ô tô 01 (một) xe tải màu trắng, biển kiểm soát 61C-216.15, nhãn hiệu KIA là tài sản chung của vợ chồng Trần Ngọc M và Nguyễn Thị Hoàng O được hình thành trong thời kỳ hôn nhân (chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ): Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  (một nửa) giá trị của xe ô tô trên.

+ Đối với 01 (một) xe máy, nhãn hiệu Yamaha, BKS 37L1-350.81, màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Cu N: Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Những người liên quan đến vụ án:

Đối với đối tượng Nguyễn Hùng S (S Râu): Đến nay vẫn chưa xác định được đối tượng nên để tránh bỏ lọt tội phạm, ngày 08/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã ra Quyết định tách vụ án số 02 để điều tra độc lập đối với hành vi của đối tượng Nguyễn Hùng S để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với những người liên quan khác của vụ án: Những người này không biết về hành vi trộm cắp của các bị cáo nên không xử lý.

Các bị cáo không bào chữa và lời nói sau cùng của các bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Lời khai nhận của các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N và Phan Xuân H tại phiên tòa hôm nay là khách quan,

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến cuối tháng 11/2020, các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N và Phan Xuân H đã nhiều lần cùng thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Nam Giang và huyện Đông Giang, cụ thể:

**Lần thứ nhất**, xảy ra vào khoảng cuối tháng 10/2020 đầu tháng 11/2020 tại thôn Cà Lai, xã Cà Dy, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N và Phan Xuân H bàn bạc, thống nhất và cùng thực hiện hành vi trộm cắp 04 (bốn) tấm phản gỗ Dí của ông Ka Phu B với tổng giá trị là 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng.

**Lần thứ hai**, xảy ra vào đêm ngày 03/11/2020, tại thôn Thanh Mỹ 2, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Các bị cáo Trần Ngọc M và Phan Xuân H đã cùng nhau trộm cắp 01 (một) chiếc xe bò của ông Nguyễn Văn P có giá trị là 3.000.000 (Ba triệu) đồng; 02 (hai) cái lục bình và 01 (một) cái bàn gốc cây của ông Bùi Trọng Đ với tổng giá trị là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

**Lần thứ ba**, xảy ra vào khoảng khuya 12/11/2020, tại thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Các bị cáo Nguyễn Cu N, Trần Ngọc M và Phan Xuân H đã cùng nhau trộm cắp 01 (một) cái máy cưa lóc, 01 (một) cái bàn ba chân của ông Cao Ngọc H với tổng giá trị là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng; 02 (hai) cái bàn dài gỗ Dí (một lớn, một nhỏ), 02 (hai) cái ghế dài gỗ Chuồn, 01 (một) cái ghế dài gỗ Muồng và 01 (một) máy mài của bà Bờ Nướch N có tổng giá trị là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

**Lần thứ tư**, xảy ra vào đêm ngày 29/11/2020 tại thôn A Xờ, xã Mà Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Các bị cáo Trần Ngọc M, Phan Xuân H cùng đồng phạm Nguyễn Hùng S (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Anh T gồm: 01 (một) cái máy bơm nước; 01 (một) cái máy mài cầm tay; 02 (hai) cái lục bình bằng gỗ Gõ; và 63 (Sáu mươi ba) phách gỗ Gõ và Xoan đào (03 phách Gõ, 60 phách Xoan đào). Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp được trong vụ này là 12.854.175 (Mười hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng.

Trong số các vụ này, bị cáo Trần Ngọc M và Phan Xuân H cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong cả 04 (bốn) lần 06 (sáu) vụ tại 05 địa điểm nêu trên. Tổng giá trị tài sản trong các lần trộm cắp này là 39.854.175 (Ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi lăm) đồng. Bị cáo Nguyễn Cu N tham gia 01 (một) lần 01 (một) vụ tại thôn Cà Lai, xã Cà Dy và 01 (một) lần 02 (hai) vụ tại thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thanh Mỹ với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng.

Vì vậy, HĐXX xét thấy hành vi của các bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản

lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác; bên cạnh đó, các bị cáo cùng tham gia thực hiện nhiều vụ trộm cắp, cùng ngầm hiểu về hành vi, ý chí trộm cắp, có sự bàn bạc, phân chia tài sản trộm cắp đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 như cáo trạng truy tố và luận tội của KSV là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, nguyên nhân phạm tội và vai trò của mỗi bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa phương, gây hoang mang, lo lắng cho người dân; khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nguyên nhân phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc lười lao động, tâm lý xem thường pháp luật, cố tình thực hiện hành vi trái pháp luật, chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu, lợi ích của bản thân; cùng với sự sơ hở, lơ là trong việc quản lý, trông coi, bảo vệ tài sản của các bị hại đã tạo điều kiện để các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Xét về vai trò của từng bị cáo thì thấy: Tất cả các bị cáo đều có vai trò thực hành tích cực, chuẩn bị kỹ càng phương tiện phạm tội, phân chia tài sản rõ ràng sau mỗi lần trộm cắp. Bị cáo Trần Ngọc M chủ mưu 01 (một) lần 02 (hai) vụ, thực hành tích cực 04 (bốn) lần 06 (sáu) vụ, trực tiếp rủ rê bị cáo H trong tất cả các lần trộm cắp, chuẩn bị phương tiện phạm tội chính trong tất cả các vụ trộm cắp và vận chuyển tài sản trộm cắp về cất giấu trong nhà mình nhiều nhất. Bị cáo Nguyễn Cu N chủ mưu, trực tiếp rủ rê, bàn bạc với bị cáo M về thời gian, địa điểm trộm cắp 02 (hai) lần 03 (ba) vụ, chuẩn bị phương tiện phạm tội trong cả 03 (ba) vụ trộm cắp. Bị cáo Phan Xuân H tuy không chuẩn bị phương tiện phạm tội nhưng tham gia giúp sức tích cực trong cả 04 (bốn) lần 06 (sáu) vụ trộm cắp. Do đó, căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi của từng bị cáo để phân hóa trách nhiệm, lượng khung hình phạt cho tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Nhân thân: Bị cáo Phan Xuân H có nhân thân tốt. Bị cáo Nguyễn Cu N và Trần Ngọc M có nhân thân xấu: Bị cáo N: Ngày 14/5/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 03/7/2004; bị cáo M: Ngày 01/11/2017 bị Công an huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo đã nộp phạt ngày 13/11/2017.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra đối với bà Bờ Nướch N nên được xem xét áp dụng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Đối với bị cáo Trần Ngọc M đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đi tự thú được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Bên cạnh đó, các bị hại đều có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Trần Ngọc M có ông ngoại Nguyễn Đ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Nguyễn Cu N có ông ngoại Trần L là Liệt sỹ, bà ngoại Trần Thị M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, cha ruột Nguyễn K được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; các bị cáo N, M, H gia đình có khó khăn, nuôi con nhỏ, bị cáo H có con nhỏ đang điều trị bệnh chậm phát triển tâm thần; do đó, cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[5]. Xét về trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo gây ra, HĐXX xét thấy: Tuy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật TTHS, các bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nhưng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, gây ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân; bị cáo N và M có nhân thân xấu. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội như đề nghị của KSV là đúng quy định pháp luật.

[6] Xét về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định, gia đình có khó khăn. Vì vậy, HĐXX thống nhất đề nghị của KSV không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại là ông Bùi Trọng Đ, ông Ka Phu B, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Văn P, ông Cao Ngọc H, bà Bờ Nướch N đã nhận lại được tài sản mình bị mất và không có yêu cầu gì về dân sự đối với vụ việc trên nữa và KSV không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Đối với ông Võ Hùng T, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, các bị cáo Trần Ngọc M, Phan Xuân H đã bán chiếc xe bò cho ông T với số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, khi mua xe bò này, ông T không hề biết xe bò này do M và H trộm cắp có được, cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe bò này và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn P. Hành vi trên của các bị cáo M và H đã gây thiệt hại về tài sản cho ông T, tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo M và H đã trả lại số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho ông T và ông T không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

Đối với các tài sản bị trộm cắp đã được Cơ quan CSĐT trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng của Nguyễn Cu N; 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng của Trần Ngọc M: Các bị cáo N, M đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ nhà nước như đề nghị của KSV là hợp lý.

+ Đối với sim điện thoại số 0359447157 của Nguyễn Cu N và 01 (một) sim số 0934777841 của Trần Ngọc M: Các bị cáo N, M đã liên lạc với nhau để phạm tội qua 02 (hai) số điện thoại này nên tịch thu tiêu hủy như đề nghị của KSV là hợp lý.

+ Đối với 01 (một) xe máy, nhãn hiệu Yamaha, BKS 37L1-350.81, màu đen đã qua sử dụng (không rõ số khung, số máy và giấy tờ xe): Chiếc xe này là của Nguyễn Cu N có được không rõ nguồn gốc và Cơ quan CSĐT đã thông báo truy tìm nhưng không có kết quả; đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, do đó, tịch thu sung quỹ nhà nước như đề nghị của KSV là hợp lý.

+ Đối với 01 (một) xe ô tô tải màu trắng, biển kiểm soát 61C-216.15, nhãn hiệu KIA; loại tải có mui; màu sơn: Trắng; tải trọng: 1.200kg; số máy JT504019; số khung: 011247032290; sản xuất năm 2003. Đây là tài sản chung của vợ chồng Trần Ngọc M và Nguyễn Thị Hoàng O được hình thành trong thời kỳ hôn nhân (chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ). Khi bị cáo M sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội bà O không biết nên tịch thu, sung quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  (một nửa) giá trị của xe ô tô trên. Tại phiên tòa bà O có nguyện vọng nhận lại chiếc xe này và thôi trả  $\frac{1}{2}$  (một nửa) giá trị chiếc xe cho nhà nước. Do đó, HĐXX xét thấy trả lại cho bà Oanh  $\frac{1}{2}$  (một nửa) giá trị của xe ô tô trên kèm theo giấy tờ xe như đề nghị của KSV là hợp lý.

[9] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

Đối với ông Hôih T: Ông T không có ý kiến gì về việc các bị cáo trộm cắp tài sản của ông Ka Phu B trong nhà mình và không trình báo mình mất tài sản gì nên HĐXX không xem xét như đề nghị của KSV.

Đối với ông Võ Hùng T, ông Nguyễn Văn H, ông Trịnh Văn R, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Hoàng O, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Ngọc C, bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc L: Không biết về hành vi phạm tội của các bị cáo; cũng như không biết tài sản các bị cáo mang về cất giấu trong nhà, mang đến gia công là tài sản do phạm tội mà có và tại phiên tòa KSV đề nghị không xử lý nên HĐXX không xem xét.

[10] Trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra vào đêm ngày 29/11/2020 rạng sáng ngày 30/11/2020, tại thôn A Xờ, xã Mả Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo Trần Ngọc M và Phan Xuân H còn có đối tượng Nguyễn Hùng S (S Râu): Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Giang đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú nhưng gia đình và chính quyền địa phương hiện không biết đối tượng S đang làm gì, ở đâu. Đồng thời Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Giang cũng đã tiến hành cho các bị cáo Phan Xuân H,

Trần Ngọc M và Nguyễn Cu N nhận dạng đối tượng S qua hình ảnh nhưng các bị cáo không nhận dạng được.

Trong quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm số 164/CSĐT ngày 07/9/2021 và gửi cho Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Quảng Nam, yêu cầu cung cấp hình ảnh chân dung được sử dụng để đăng ký thuê bao đối với số thuê bao điện thoại di động 0976963440 của đối tượng Nguyễn Hùng S làm căn cứ để cho các bị cáo nhận dạng. Tuy nhiên, đến nay, Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Quảng Nam vẫn chưa phản hồi lại. Do đó, để tránh bỏ lọt tội phạm, ngày 08/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Giang đã ra Quyết định tách vụ án số 02 để điều tra độc lập đối với hành vi của đối tượng Nguyễn Hùng S để xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX không xem xét hành vi của đối tượng Nguyễn Hùng S trong vụ án này.

[11] Xét về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N, Phan Xuân H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N và Phan Xuân H phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s, r Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 2 Điều 52 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Ngọc M 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam là 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày (kể từ ngày 02/12/2020 đến ngày 29/4/2021).

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 2 Điều 52 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Cu N 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam là 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày (kể từ ngày 02/12/2020 đến ngày 29/4/2021).

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 2 Điều 52 của BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Phan Xuân H 26 (hai sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam là 04 (bốn) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày (kể từ ngày 02/12/2020 đến ngày 29/4/2021).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 Bộ luật TTHS:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng của Nguyễn Cu N; 01 (một) điện thoại di động bàn phím bấm, màu đen, nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng của Trần Ngọc M.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại số 0359447157 của Nguyễn Cu N và 01 (một) sim điện thoại số 0934777841 của Trần Ngọc M.

- Tịch thu xung quỹ nhà nước 01 (một) xe máy, nhãn hiệu Yamaha, BKS: 37L1-350.81, màu đen đã qua sử dụng (không rõ số khung, số máy và giấy tờ xe) của Nguyễn Cu N.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước ½ (một nửa) giá trị của xe ô tô tải màu trắng, biển kiểm soát 61C-216.15, nhãn hiệu KIA, loại tải có mui, màu sơn: Trắng, tải trọng: 1.200kg, số máy JT504019, số khung: 011247032290, sản xuất năm 2003 của Trần Ngọc Minh; trả lại cho bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh ½ (một nửa) giá trị của xe ô tô tải trên. Trả cho người mua xe ô tô tải màu trắng, biển kiểm soát 61C-216.15 các giấy tờ xe gồm: 01 (một) giấy đăng ký xe tải biển kiểm soát 61C-216.15 tên Nguyễn Thị Hiền, 01 (một) hợp đồng (giấy) mua bán xe biển kiểm soát 61C-216.15 giữa ông Nguyễn Văn Thủy và bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh; 01 (một) giấy đăng kiểm xe biển kiểm soát 61C-216.15; 01 (một) bảo hiểm tự nguyện xe biển kiểm soát 61C-216.15.

(Vật chứng đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam chuyển giao đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tại Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS ngày 12/7/2021 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/7/2021).

### 3. Án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Ngọc M, Nguyễn Cu N, Phan Xuân H mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

### 4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Nam Giang (HSNV);
- Sở Tư pháp Quảng Nam  
(Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Trần Duy Hình**